TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2022/KDTM-PT
Ngày: 19-4-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn L

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng N

Ông Nguyễn Chí D

- Thư ký phiên toà: Bà Võ T – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Võ Thị T - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/3/2022 và ngày 19/4/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2021/TLPT-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2021/QĐXXPT-KDTM ngày 07 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn K;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thanh S, chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ: ấp Phú X, thị trấn Mái D, huyện Châu T, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Thanh S: Ông Lê Tuấn K, sinh năm 1973 (vắng mặt) và ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1987 (có mặt); Cùng địa chỉ: Số 116A, T, phường H, quận Ninh K, thành phố C (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/10/2020).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Quốc L, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ: ấp A, xã An T, huyện Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Quốc L: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1984 (có mặt); Địa chỉ: Số 15/4A, Sông T, Phường 2, quận Tân B, Thành phố H (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn K trình bày:

Giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) K và Công ty cổ phần (CP) H (còn viết tắt là hai bên hay các bên) có ký hợp đồng kinh tế số: 09/2015/HĐKT/ĐT ngày 10/8/2015 với giá trị là 30.000.000.000 đồng, Hợp đồng mua bán số: 15/2016/HĐKT ngày 15/5/2016 và Hợp đồng kinh tế số: 2811/HĐKT.2016 ngày 28/11/2016 về việc mua bán thép và vật tư xây dựng để Công ty CP H thực hiện gói thầu CW1A - Đồng Tháp và hai bên thống nhất việc thực hiện hợp đồng (giao nhận hàng hóa) tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Khi Công ty TNHH K thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng đúng theo hợp đồng đã giao kết thì phía Công ty CP H chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho phía Công ty TNHH K.

Ngày 30/11/2017, Công ty TNHH K và Công ty CP H đã ký Biên bản tổng hợp công nợ thể hiện Công ty CP H còn nợ Công ty TNHH K với tổng số tiền là 9.429.436.081 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/9/2020 phía Công ty H mới chỉ thanh toán được cho Công ty TNHH K số tiền là 2.300.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc (vốn) còn lại Công ty CP H phải thanh toán là 7.129.436.081 đồng. Vì phía Công ty CP H thất hứa nhiều lần, không thanh toán dứt điểm khoản nợ gốc cho Công ty TNHH K trong khi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn vì dịch bệnh Covid 19.

Công ty TNHH K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty CP H phải thực hiện đúng hợp đồng đã ký để trả cho Công ty TNHH K tổng số tiền là 9.623.481.655 đồng (Trong đó: tiền gốc là 7.129.436.081 đồng và 2.494.045.574 đồng tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất cơ bản là 10%/năm tạm tính từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/9/2020).

Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty TNHH K yêu cầu Công ty CP H trả số tiền vốn 7.129.436.081 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/11/2017 đến ngày 06/5/2021, lãi suất 10%/năm, với số tiền 2.921.528.815 đồng, tuy nhiên Công ty TNHH K chỉ yêu cầu Công ty CP H trả lãi chậm thanh toán là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 8.629.436.081 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty CP H trình bày:

Qua kiểm tra số lượng hàng hóa giao nhận từ hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH K và Công ty CP H được thực hiện trên nhiều địa bàn khác nhau, chứ không chỉ riêng trên địa bàn thành phố C. Hơn nữa, Công Ty CP H có trụ sở rõ ràng, hiện vẫn đang hoạt động theo quy định của pháp luật, do đó căn cứ theo quy định của pháp luật thì Tòa án nơi bị đơn có trụ sở mới có thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa hai bên. Công Ty CP H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp trả hồ sơ và chuyển về Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H nơi Công Ty CP H có trụ sở để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Hữu S đại diện hợp pháp của Công ty CP H thừa nhận Công ty CP H và Công ty TNHH K có ký kết các hợp đồng do nguyên đơn trình bày và ngày 30/11/2017 Công ty TNHH K và Công ty CP H đã ký biên bản tổng hợp công nợ thể hiện Công ty CP H còn nợ Công ty TNHH K với tổng số tiền là 9.429.436.081đ (Chín tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn không trăm tám mươi mốt đồng). Thừa nhận có trả cho Công ty TNHH K tổng cộng là 2.300.000.000 đồng, còn nợ lại là 7.129.436.081 đồng. Tháng 6 năm 2017 Công ty CP H có chuyển nhầm thêm 1.500.000.000 đồng nhưng Công ty TNHH K không trừ vào số tiền nợ trên. Nay Công ty CP H không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2021/KDTM-ST ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu Công ty TNHH K yêu cầu Công ty CP H trả cho Công ty TNHH K tổng số tiền vốn 7.129.436.081 đồng và 1.500.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vốn và lãi là 8.629.436.081 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

2. Buộc Công ty CP H trả cho Công ty TNHH K số tiền vốn là 7.129.436.081 đồng và tiền lãi 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 8.629.436.081 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty CP H phải chịu 116.629.436 đồng.

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH K số tiền là 58.812.000 đồng theo biên lại thu số 0007209 ngày 08/10/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/7/2021 ông Hoàng Quốc L đại diện cho Công ty CP H là bị đơn trong vụ án đã kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H nơi Công ty CP H đóng trụ sở để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty CP H là ông Nguyễn Hữu S trình bày: Qua đối chiếu lại công nợ thì Công ty CP H chỉ còn nợ Công ty TNHH K số tiền là 5.629.436.081 đồng được thể hiện theo nội dung Văn bản số: 12-CVHA/2022 ngày 25/3/2022 và Văn bản số: 08-CVHA/2022 ngày 17/3/2022 của Công ty CP H gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm. Nên Công ty CP H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K, theo đó Công ty CP H chỉ có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH K số tiền còn nợ gốc là 5.629.436.081 đồng. Công ty CP H không còn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm như theo đơn kháng cáo nữa mà yêu cầu sửa án sơ thẩm như nêu trên. Về lãi suất đề nghị Công ty TNHH K không tính lãi chậm thanh toán nợ đối với Công ty CP H, nếu nguyên đơn vẫn yêu cầu thì bị đơn không thống nhất trả lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH K là ông Lê Tuấn K trình bày: Thống nhất trình bày của Công ty CP H về số nợ mà Công ty CP H chỉ còn nợ Công ty TNHH K số tiền là 5.629.436.081 đồng, được tính đến ngày 30/11/2017. Tuy nhiên, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền 5.629.436.081 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 31/11/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án này là ngày 25/5/2021, mức lãi suất 10%/năm, nếu lãi suất tính vượt số tiền 1.500.000.000 đồng thì Công ty TNHH K thống nhất chỉ nhận 1.500.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý giải quyết vụ việc để giải quyết phúc thẩm đến trước thời điểm nghị án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa: Hội đồng phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc giải quyết phúc thẩm vụ việc; Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của bị đơn Công ty CP H là hợp lệ, nên đề nghị xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Sửa bản án sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 23/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C theo hướng: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, theo đó Công ty CP H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH K số tiền còn nợ là 5.629.436.081 đồng. Chấp nhận yêu cầu của của Công ty TNHH K về việc yêu cầu Công ty CP H trả lãi đối với số tiền 5.629.436.081 đồng, lãi suất tính từ ngày 31/11/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là ngày 25/5/2021, mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Hoàng Quốc L đại diện cho Công ty CP H không thống nhất bản án sơ thẩm số: 03/2021/DS-ST ngày 23/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C nên đã kháng cáo. Việc đại diện Công ty CP H nộp Đơn kháng cáo ngày 08/7/2021, mặc dù kháng cáo quá hạn nhưng theo Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số: 05/2021/QĐ-PT ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH K (còn viết tắt là nguyên đơn) và Công ty CP H (còn viết tắt là bị đơn) có ký hợp đồng kinh tế số 09/2015/HĐKT/ĐT ngày 10/8/2015, Hợp đồng mua bán số 15/2016/HĐKT ngày 15/5/2016 và Hợp đồng kinh tế số 2811/HĐKT.2016 ngày 28/11/2016 về việc mua bán thép và vật tư xây dựng để Công ty CP H thực hiện gói thầu CW1A - Đồng Tháp (còn viết tắt là Hợp đồng). Hai bên thống nhất việc thực hiện hợp đồng (giao nhận hàng hóa) tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi Công ty TNHH K thực hiện xong nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên thì công ty CP H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Ngày 30/11/2017, giữa Công ty TNHH K và Công ty CP H đã ký Biên bản tổng hợp công nợ, theo đó Công ty CP H còn nợ Công ty TNHH K với tổng số tiền là 9.429.436.081 đồng. Từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/9/2020 phía Công ty CP H chỉ thanh toán được cho Công ty TNHH K số tiền là 2.300.000.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 7.129.436.081 đồng thì Công ty CP H đã không thanh toán tiếp và cho rằng vào tháng 6 năm 2017 Công ty CP H có chuyển nhầm thêm 1.500.000.000 đồng nhưng Công ty TNHH K không trừ vào số tiền nợ trên, thể

hiện theo Ủy nhiệm chi ngày 02/6/2017 chuyển 2.300.000.000 đồng nhưng chỉ quyết toán 1.300.000.000 đồng và Ủy nhiệm chi ngày 02/6/2017 chuyển 1.000.000.000 đồng nhưng chỉ quyết toán 500.000.000 đồng, cụ thể tại Biên bản đối chiếu công nợ số: 07/ĐCCN/HA.KY ngày 30/6/2017. Điều này làm phát sinh tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Công ty TNHH K ký kết hợp đồng với Công ty CP H là trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận là phù hợp quy định pháp luật về chủ thể, hình thức và nội dung của hợp đồng kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bị đơn Công ty CP H đã cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ có đủ căn cứ chứng minh Công ty CP H chỉ còn nợ Công ty TNHH K số tiền mua hàng hóa tính đến ngày 30/11/2017 là 5.629.436.081 đồng. Mặt khác, việc này cũng được các đương sự thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm, theo đó Công ty CP H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH K số tiền mua hàng hóa còn nợ là 5.629.436.081 đồng, nên chấp nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc này.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH K yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền 5.629.436.081 đồng từ ngày 31/11/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án này là ngày 25/5/2021 do bị đơn Công ty CP H chậm thanh toán, với mức lãi suất là 10%/năm, nếu tiền lãi chậm thanh toán được tính vượt số tiền 1.500.000.000 đồng thì Công ty TNHH K thống nhất chỉ nhận 1.500.000.000 đồng. Mặc dù, bị đơn không thống nhất trả lãi chậm thanh toán theo yêu cầu của nguyên đơn, nhưng Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005. Về mức lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn là 10%/năm, tương ứng 0,833%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả (thể hiện theo các Công văn cung cấp thông tin về lãi suất cho Tòa án Tỉnh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp và của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp), theo đó mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng tại thời điểm thanh toán tương đương 10%/năm, tương ứng 0,833%/tháng, nếu nhân lãi suất quá hạn 150% sẽ là 1,25%/tháng là cao hơn mức lãi suất 0,833%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu.

Lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn được tính: Từ ngày 31/11/2017 đến ngày 25/5/2021 là 41 tháng 25 ngày tương ứng với 41,8 tháng x 5.629.436.081 đồng x 0,833%/tháng = 1.960.135.866 đồng. Do nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán là 1.500.000.000 đồng, xét thấy là có lợi cho bị đơn và không trái pháp luật, nên chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

[4] Xét việc Công ty CP H không còn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu này.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty CP H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm về việc Công ty CP H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH K số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 30/11/2017 là 5.629.436.081 đồng theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc (vốn) và lãi mà bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là 7.129.436.081 đồng. Đồng thời, sửa án phí sơ thẩm mà đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của Công ty CP H được chấp nhận một phần và án sơ thẩm bị sửa, nên Công ty CP H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, đồng thời được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty CP H;

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự về việc Công ty CP H có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH K số tiền mua hàng hóa còn nợ tính đến ngày 30/11/2017 là 5.629.436.081 đồng;

3. Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 và các Điều 91, 92, 93, 147, 148, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K yêu cầu Công ty CP H trả cho Công ty TNHH K số tiền vốn là 5.629.436.081 đồng và tiền lãi

chậm thanh toán là 1.500.000.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 7.129.436.081 đồng, không yêu cầu tính lãi tiếp.

3.2. Buộc Công ty CP H có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH K tổng số tiền vốn và lãi là 7.129.436.081 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3.3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty CP H phải chịu 115.129.400 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH K đõa nộp là 58.812.000 đồng, theo biên lại thu số 0007209 ngày 08/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Công ty CP H không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà Công ty CP H đã nộp là 2.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0005058 ngày 25/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Tỉnh;
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tấn L